

Bài 22

RONG KINH (Kinh lậu)

MỤC TIÊU

1. *Nắm được định nghĩa và nguyên nhân của rong kinh, rong huyết theo y học hiện đại và y học cổ truyền.*
2. *Phân biệt được rong kinh và rong huyết.*
3. *Biết chẩn đoán và điều trị rong kinh, rong huyết bằng y học cổ truyền.*

1. ĐẠI CƯƠNG

1.1. Định nghĩa

Theo YHHĐ: rong kinh là hiện tượng kinh kéo dài trên 7 ngày, lượng kinh có thể nhiều hoặc ít (kinh nhiều gọi là đa kinh (băng kinh), kinh ít gọi là thiếu kinh).

Theo y học cổ truyền: rong kinh được gọi là băng lậu (băng: có nghĩa là lở, tựa như núi lở, huyết ra cấp tốc (cấp); lậu: chỉ huyết ra nhỏ giọt, tựa như nhà dột (hoãn)).

1.2. Nguyên nhân

1.2.1. Theo y học hiện đại

- Rong kinh cơ năng: do rối loạn nội tiết thường gặp trong tuổi dậy thì và rong kinh ở tuổi tiền mãn kinh.
- Thực thể: do u xơ tử cung, đặt vòng tránh thai.

1.2.2. Theo y học cổ truyền

Nguyên nhân gây bệnh chủ yếu do mạch xung - nhâm bị tổn thương gây nên. Trên lâm sàng chia làm 2 thể: hư và thực.

- Hư:
 - + Khí hư: do lao động quá sức hoặc ăn uống không điều độ làm tỳ khí và phế khí bị tổn hại. Khí hư không chủ quản được huyết gây băng lậu.
 - + Dương hư: khí hư lâu ngày ảnh hưởng đến dương khí của hạ nguyên, mệnh hỏa suy kém, không ôn ấm được tử cung, không gìn giữ được sự điều hoà của xung - nhâm mà gây bệnh.

- + Âm hư: do sinh đẻ gây mất huyết hoặc phòng dục quá độ làm huyết hao tổn, mạch xung - nhâm không được nuôi dưỡng mà sinh bệnh.
- Thực:
 - + Huyết nhiệt: do tâm hỏa vốn vượng hoặc ăn phải chất cay nóng, nhiệt ứ đọng ở trong đẩy huyết đi xuống.
 - + Huyết ứ: sau khi sinh hoặc sau hành kinh, huyết hôi ngăn trở ở trong làm chân huyết ứ lại mà tân huyết không quy được kinh.
 - + Khí uất: do tình chí uất ức làm can khí uất kết, can mất chức năng điều đạt, khí nghịch lên nên huyết không đi theo kinh được.

1.3. Phân biệt rong kinh và rong huyết

- Giống nhau: đều ra huyết âm đạo.
- Khác nhau:
 - + Rong kinh có chu kỳ.
 - + Rong huyết không có chu kỳ và thường do nguyên nhân thực thể gây ra như sảy thai, sót rau, chửa ngoài tử cung, ung thư tử cung, polyp cổ tử cung, viêm cổ tử cung....

2. PHÂN LOẠI VÀ CÁCH CHỮA BỆNH

2.1. Theo y học hiện đại

Trước hết cần xác định nguyên nhân để điều trị:

- Nếu rong kinh do rối loạn nội tiết: dùng nội tiết progesteron và oestrogen tiêm 5-7 ngày.
- Nếu cường kinh: nguyên nhân người ta hay chú ý đến quá sản niêm mạc tử cung, do đó điều trị có thể nạo niêm mạc tử cung.
- Nếu do thực thể phải giải quyết nguyên nhân thực thể.

2.2. Theo y học cổ truyền

2.2.1. Thể do huyết nhiệt

- *Triệu chứng*: kinh ra nhiều đầm đìa, sắc đỏ hồng, mình nóng, khát nước, hoa mắt chóng mặt, lưỡi đỏ, khô, rêu vàng, mạch hoạt sắc.
- *Pháp điều trị*: thanh nhiệt, lương huyết, chỉ huyết.
- *Phương*:

Bài 1: Thanh nhiệt cố kinh thang

Quy bản	12g	Hoàng cầm	12g
Mẫu lệ	12g	Địa du	12g

A giao	12g	Tông lư thán	12g
Sinh địa	12g	Ngẫu tiết	12g
Tiêu sơn chi	12g	Cam thảo	4g
Địa cốt bì	12g		
Bài 2: Ngó sen sao vàng	40g		
Cỏ nhọ nổi sao vàng	40g	Trắc bá diệp sao vàng	40g
Lá huyết dụ sao vàng	40g	Chi tử sao đen	20g

Sắc uống ngày một thang, uống 7- 10 thang.

2.2.2. *Thế tỳ hư*

- *Triệu chứng*: rong kinh kéo dài, người mỏi mệt, máu đỏ nhạt, ăn ít, thở nhiều, chân tay lạnh, khó tiêu, đầy bụng, chất lưỡi nhạt, có hàn răng, mạch tế nhược vô lực. Nếu băng huyết nhiều có thể xây xẩm, mạch muốn tuyệt.
- *Pháp điều trị*: bổ tỳ khí để cầm máu.
- *Phương*:

Bài 1: bài Bổ trung ích khí thang

Hoàng kỳ	12g	Nhân sâm	12g
Đương quy	12g	Thăng ma	8g
Sài hồ	12g	Bạch truật	12g
Trần bì	8g	Cam thảo	4g

Sắc uống ngày một thang, uống 7-10 thang.

Bài 2: dùng Độc sâm thang (nếu bệnh nặng)

Nhân sâm	12g
Nếu dùng đảng sâm thì phải	100g

Sắc đặc lấy nước uống ngay.

Bài 3: dùng bài Quy tỳ thang (nếu cả tâm tỳ hư) xem bài rong kinh.

2.2.3. *Thế thận hư*

- *Triệu chứng*: huyết ra không dứt, sắc nhợt, lạnh bụng dưới, thích xoa nóng, lưng đau, hoa mắt, chóng mặt, lưỡi nhợt, mạch trầm nhược
- *Pháp điều trị*: bổ thận, điều hoà xung - âm, chỉ huyết.
- *Phương*:

Bài 1: dùng bài Lục vị gia vị (nếu thiên về thận âm hư)

Thục địa	12g	Sơn dược	10g
Sơn thù	10g	Trạch tả	10g
Phục linh	12g	Đan bì	12g
A giao	12g	Ngải diệp	12g (sao đen)
Trắc bá diệp	12g (sao đen)		

Bài 2: Giao ngải thang (nếu thiên về thận dương hư)

Xuyên khung	12g	Đương quy	12g
Bạch thược	12g	Thục địa	12g
A giao	12g	Ngải diệp	8g

Sắc uống ngày 1 thang với nước gừng, đại táo.

2.2.4. Thể huyết ú (do đặt vòng)

- *Triệu chứng*: huyết ra dây dưa không cầm, sắc đen, có cục, đau bụng dưới, ấn vào khó chịu, chất lưỡi có đám ú huyết, mạch trầm sáp.
- *Pháp điều trị*: hoạt huyết, hành ú.
- *Phương*:

Bài 1: Tứ vật đào hồng

Đương quy	12g	Thục địa	12g
Xuyên khung	12g	Đào nhân	8g
Bạch thược	12g	Hồng hoa	8g

Sắc uống ngày một thang trong 3- 5 ngày, sau đó có thể uống tiếp bài Quy tỳ.

Bài 2: Thất tiểu tán (cục phương)

Bồ hoàng	8g
Ngũ linh chi	8g

Sắc với rượu và nước tiểu trẻ em, uống 2 lần trong ngày.

- *Điều trị bằng liệu bằng châm cứu*: châm tả huyết đoạn hồng (kê ngón tay 2-3 đo lên 0,5 thốn); châm bổ huyết tam âm giao, quan nguyên, khí hải, vùng nội tiết ở loa tai.

TỰ LƯỢNG GIÁ

1. Trình bày phương pháp điều trị rong kinh thể tỳ hư?
2. Trình bày phương pháp điều trị rong kinh thể huyết ú